TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4 - 2026
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tống Văn Tâm.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc M, sinh năm 1984; CCCD số: 072184010205; địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1991; CCCD số: 072092001780; địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà trọ Trần Thị V, tổ B, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M trình bày:

Bà Đặng Thị Ngọc M và ông Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2017 ngày 07/02/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng tháng 6/2023 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên

lớn tiếng cãi vã với nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến va chạm căng thẳng giữa hai bên gia đình nên hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Vì vậy, bà Minh xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn N.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2017. Từ con 6 tháng tuổi đến khi hai vợ chồng ly thân, con chung do gia đình bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để bảo đảm cuộc sống bình thường của cháu, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Trần Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2017. Hiện nay, bà M làm công nhận hàng tháng thu nhập khoảng 8.000.000 đồng và có gia đình bà M phụ giúp trong việc chăm sóc con nên bà xác định có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bản tự khai hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Văn N có nơi cư trú địa chỉ: Nhà T, tổ B, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc M và ông Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2017 ngày 07/02/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Đặng Thị Ngọc M trình bày, khoảng tháng 6/2023 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên lớn tiếng cãi vã với nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến va chạm căng thẳng giữa hai bên gia đình nên hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Vì vậy, bà Minh xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc và dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn đến Tòa án tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng bị đơn không lên, cho thấy bị đơn không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng gia đình cùng nhau chăm sóc con cái. Do đó, lời trình bày cũng như yêu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đặng Thị Ngọc M và ông Trần Văn N có 01 con chung tên Trần Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2017. Bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, từ khi con chung 06 tháng tuổi đến nay, bà M, ông N gửi con cho gia đình bên ngoại chăm sóc để hai vợ chồng đi làm ăn. Hiện nay, bà M làm công nhân lương thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng và có gia đình phụ giúp chăm sóc con chung khi bà M đi làm. Quá trình giải quyết vụ án, ông N không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con, cho thấy rằng không mong muốn gì đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên Trần Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2017 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị Ngọc M tự nguyện không yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Trần Văn N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc M được ly hôn với ông Trần Văn N.

- Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Ngọc M về việc không yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048298 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Khang